

Số: /TCBC-STP

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành
(Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND ngày 17/8/2026)

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”. Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành như sau:

1. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành: Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND ngày 17/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2026. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2024 - 2025.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) *Sự cần thiết:* Thực hiện Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết.

b) *Mục đích:* Quy định cụ thể mức hỗ trợ đối với một số nội dung thuộc Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2026-2030, tạo cơ sở để tổ chức thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh Cà Mau; góp phần ổn định đời sống, sản xuất của

người dân, nhất là tại các khu vực có nguy cơ thiên tai, sạt lở, điều kiện sinh sống khó khăn, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển bền vững.

4. Nội dung chủ yếu: Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình Bố trí dân cư giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4.1. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, ngập lụt, nước dâng;

- Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu, ô nhiễm môi trường;

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các khu kinh tế - quốc phòng, hải đảo;

- Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến địa bàn tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài;

(Không bao gồm đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030)

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

4.2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Sắp xếp, bố trí dân cư phải phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch, dự án trên địa bàn tỉnh; ưu tiên bố trí ổn định dân cư để khắc phục phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai; trong đó, các hộ bị mất nhà ở, chỗ ở và các hộ có nguy cơ cao hơn được ưu tiên hỗ trợ trước.

b) Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này bằng tiền để thực hiện xây dựng mới nhà ở, lương thực và nước sinh hoạt trong thời gian đầu tại nơi tái định cư thông qua chủ hộ, cá nhân sau khi hoàn tất đầy đủ hồ sơ đã quy định tại Thông tư 24/2023/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo. Trường hợp chủ hộ gia đình, cá nhân không thể trực tiếp đến nhận hỗ trợ thì được uỷ quyền cho người đại diện theo quy định của pháp luật để nhận thay.

c) Công tác hỗ trợ phải kịp thời, đảm bảo công khai, minh bạch, có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của cơ quan có thẩm quyền và cộng đồng dân cư; phải đảm bảo đúng đối tượng, đủ điều kiện theo quy định.

d) Trong cùng một thời điểm, một nội dung chính sách hỗ trợ có nhiều mức khác nhau, đối tượng thụ hưởng được xem xét, áp dụng mức hỗ trợ có lợi nhất, tạo điều kiện cho hộ gia đình, cá nhân ổn định cuộc sống.

đ) Mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được hỗ trợ một (01) lần. Đối với các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ tái định cư (tự lo tái định cư) do bị ảnh hưởng các dự án trước đây trên địa bàn tỉnh và các đối tượng di cư tự do đã được hỗ trợ chính sách bố trí dân cư ở nơi khác thì không được hưởng chính sách hỗ trợ của Nghị quyết này.

4.3. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ nhà ở, lương thực, nước sinh hoạt cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ nhà ở (hỗ trợ chi phí xây dựng mới nhà ở tại nơi tái định cư): Hỗ trợ 80.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

b) Hỗ trợ lương thực: Hỗ trợ 600.000 đồng/người/tháng, trong 12 tháng đầu tại nơi tái định cư.

c) Hỗ trợ nước sinh hoạt (nơi chưa có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung): Hỗ trợ 04 m³/người/tháng, không quá 12 tháng theo mức giá quy định của địa phương tại thời điểm hỗ trợ.

4.4. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành, Sở Tư pháp xin thông báo (gửi kèm Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin PBGDPL tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp (để đăng tải);
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Ngọc